

Bản án số: 28/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 04 - 6 - 2025
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Tuấn
2. Bà Phạm Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường - Kiểm sát viên.*

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 19/2025/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, về yêu cầu ly hôn, con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 (Có mặt)
- 2. Bị đơn:** Anh Lê Đức T, sinh năm 1983 (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Xóm T, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ly hôn, B tự khai, Biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị sinh ra và lớn lên tại xã P, huyện Đ. Chị và anh Lê Đức T tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2002 trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý. Tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật nên không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Sau khi tổ chức cưới hỏi vợ chồng chung sống tại xóm T, xã P, huyện Đ. Quá trình chung sống hơn 10 năm đầu hoà thuận, hạnh phúc, tới khoảng năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm sống,

không có tiếng nói chung, do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng ly thân từ 2014 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng đã hết tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Tuy nhiên, do vợ chồng anh chị không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lê Đức L, sinh ngày 19/8/2003 và Lê Anh T1, sinh ngày 13/7/2011. Hiện con chung là Lê Đức L đã thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung là Lê Anh T1 chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, cùng các giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Đức T trình bày:

Anh sinh ra và lớn lên tại xã P, huyện Đ. Anh và chị Nguyễn Thị H tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2002 trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý. Tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật nên không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm T, xã P, huyện Đ. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được hơn 10 năm, từ khoảng 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, do vậy vợ chồng ly thân từ 2014 cho đến nay. Nay anh xác định vợ chồng hết tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Tuy nhiên, do vợ chồng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lê Đức L, sinh ngày 19/8/2003 và Lê Anh T1, sinh ngày 13/7/2011. Hiện con chung Lê Đức L đã thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung là Lê Anh T1 đồng ý cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Anh sẽ tự cấp dưỡng cho con khi có điều kiện.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn xin xác nhận đề ngày 05/3/2025 Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ xác định:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức T không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức T.

+ Về con chung: Con chung là Lê Đức L đã thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Giao con chung là Lê Anh T1, sinh ngày 13/7/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc cho tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

+ Án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Lê Đức T, cùng nơi cư trú tại: xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay, trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Tuy nhiên, chị H và anh T không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mặc dù có đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc ông bà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn như trên thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hai bên đương sự đều xác định đến nay không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống, có nguyện vọng ly hôn, do hai bên không đăng ký kết hôn nên đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng.

HĐXX xét thấy: Chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đã có hiệu lực pháp luật và không có đăng ký kết hôn, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

“...2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”.

Do đó, xét yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị H là có cơ sở để chấp nhận, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T là phù hợp với các quy định của pháp luật.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh T có 02 con chung là Lê Đức L, sinh ngày 19/8/2003 và Lê Anh T1, sinh ngày 13/7/2011. Hiện con chung Lê Đức L đã thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Con chung là Lê Anh T1, sinh ngày 13/7/2011 có nguyện vọng muốn được sống cùng với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, các bên đương sự đều thống nhất giao con chung là cháu T1 cho chị H nuôi dưỡng. Do đó, HĐXX xét thấy cần giao con chung là Lê Anh T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi cháu T1: Các bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức T.

2. Về con chung: Quá trình chung sống đương sự có 02 con chung là Lê Đức L, sinh ngày 19/8/2003 và Lê Anh T1, sinh ngày 13/7/2011.

Con chung là Lê Đức L hiện đã thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Giao con chung là Lê Anh T1, sinh ngày 13/7/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006430 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị H, bị đơn anh T báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Định Hoá;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Phú Tiến, huyện Định Hoá;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Triệu Cẩm Chi